

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2026

#### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 73/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: Số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; số 192/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 sửa đổi Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025;

Căn cứ Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc trích ngân sách tỉnh năm 2026 phân bổ kinh phí cho Sở Y tế để đảm bảo thực hiện chế độ, chính sách năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 12525/TB-STC ngày 28/8/2026 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Y tế.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai số liệu được giao và phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
  - BGD Sở Y tế;
  - Các đơn vị trực thuộc;
  - Website SYT;
  - Lưu: VT, KHTC.
- (Huyền)



GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Huy

## PHỤ BIỂU

(Kèm theo Quyết định số 024/QĐ-SYT ngày 29 /8 /2026 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên)

Đơn: Triệu đồng

| STT                   | Đơn vị/Nội dung chi                                                                                                                       | Dự toán được giao    | Dự toán đã phân bổ   | Trong đó        |                      |                   |                   |                 |                    |                   |                          |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-------------------|-------------------|-----------------|--------------------|-------------------|--------------------------|
|                       |                                                                                                                                           |                      |                      | Bệnh viện Ba Bể | Bệnh viện Bạch Thông | Bệnh viện Chợ Đồn | Bệnh viện Chợ Mới | Bệnh viện Na Rì | Bệnh viện Ngân Sơn | Bệnh viện Pác Nặm | Bệnh Viện Phùng Chí Kiên |
| <i>A</i>              | <i>B</i>                                                                                                                                  | <i>1</i>             | <i>2</i>             | <i>3</i>        | <i>4</i>             | <i>5</i>          | <i>6</i>          | <i>7</i>        | <i>8</i>           | <i>9</i>          | <i>10</i>                |
| <b><u>TỔNG SỐ</u></b> |                                                                                                                                           | <b><u>44.072</u></b> | <b><u>44.072</u></b> | <b>3.269</b>    | <b>8.246</b>         | <b>3.639</b>      | <b>3.048</b>      | <b>10.557</b>   | <b>7.064</b>       | <b>6.603</b>      | <b>1.646</b>             |
| <b>I</b>              | <b>Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</b>                                                                                                   |                      |                      |                 |                      |                   |                   |                 |                    |                   |                          |
| <i>I.1</i>            | <i>Kinh phí thường xuyên thực hiện tự chủ</i>                                                                                             |                      |                      |                 |                      |                   |                   |                 |                    |                   |                          |
| <i>I.2</i>            | <i>Kinh phí thường xuyên không thực hiện tự chủ</i>                                                                                       |                      |                      |                 |                      |                   |                   |                 |                    |                   |                          |
| <b>II</b>             | <b>Sự nghiệp y tế</b>                                                                                                                     | <b>44.072</b>        | <b>44.072</b>        | <b>3.269</b>    | <b>8.246</b>         | <b>3.639</b>      | <b>3.048</b>      | <b>10.557</b>   | <b>7.064</b>       | <b>6.603</b>      | <b>1.646</b>             |
| <i>II.1</i>           | <i>Kinh phí thường xuyên thực hiện tự chủ</i>                                                                                             |                      |                      |                 |                      |                   |                   |                 |                    |                   |                          |
| <i>II.2</i>           | <i>Kinh phí thường xuyên không thực hiện tự chủ</i>                                                                                       | <b>44.072</b>        | <b>44.072</b>        | <b>3.269</b>    | <b>8.246</b>         | <b>3.639</b>      | <b>3.048</b>      | <b>10.557</b>   | <b>7.064</b>       | <b>6.603</b>      | <b>1.646</b>             |
| 1                     | Kinh phí thực hiện phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi nghề và phụ cấp lâu năm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ: | <b>20.343</b>        | <b>20.343</b>        | 0               | 5.400                | 0                 | 0                 | 7.210           | 4.336              | 3.397             | 0                        |

| STT                                                              | Đơn vị/Nội dung chi                                                                                                                          | Dự toán được giao | Dự toán đã phân bổ | Trong đó        |                      |                   |                   |                 |                    |                   |                          |
|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|-----------------|----------------------|-------------------|-------------------|-----------------|--------------------|-------------------|--------------------------|
|                                                                  |                                                                                                                                              |                   |                    | Bệnh viện Ba Bể | Bệnh viện Bạch Thông | Bệnh viện Chợ Đồn | Bệnh viện Chợ Mới | Bệnh viện Na Rì | Bệnh viện Ngân Sơn | Bệnh viện Pác Nặm | Bệnh Viện Phùng Chí Kiên |
| <i>A</i>                                                         | <i>B</i>                                                                                                                                     | <i>1</i>          | <i>2</i>           | <i>3</i>        | <i>4</i>             | <i>5</i>          | <i>6</i>          | <i>7</i>        | <i>8</i>           | <i>9</i>          | <i>10</i>                |
| 2                                                                | Kinh phí tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp của số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao | 23.729            | 23.729             | 3.269           | 2.846                | 3.639             | 3.048             | 3.347           | 2.728              | 3.206             | 1.646                    |
| Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu đồng./. |                                                                                                                                              |                   |                    |                 |                      |                   |                   |                 |                    |                   |                          |

*Handwritten signature*